

TÒA ÁN NHÂN DÂN H. QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH
Số: 41/2021/QĐST-DS.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quế Võ, ngày 22 tháng 12 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 34/2021/TLST-DS, ngày 01/11/2021.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lại Thị T, sinh năm 1961;

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C (tên gọi khác: Nguyễn Văn Qu), sinh năm 1959;
Cùng địa chỉ: Thôn Vũ Dương, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà T và ông C cùng thống nhất toàn bộ tài sản của hai vợ chồng gồm có:

- Về quyền sử dụng đất: 01 thửa đất số 41, tờ bản đồ số 30 tại thôn Vũ Dương, xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh, mang tên bà Lại Thị T và ông Nguyễn Văn C, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 515m², được UBND huyện Quế Võ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 30/9/2013, được đo vẽ lại theo hiện trạng là 463,0m². Ông bà cùng đồng ý hiến cho thôn phần diện tích là 47,0m² để làm đường. Đối với phần diện tích 05m² gia đình anh Nguyễn Văn Mẽ đang sử dụng sang phần diện tích đất của ông bà, ông bà không yêu cầu phân chia và cùng thống nhất để gia đình anh Nguyễn Văn Mẽ sử dụng, không yêu cầu gì.

- Về tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây gạch 02 tầng, đổ mái diện tích 39,7m²; 01 mái tôn diện tích 14,0m²; 01 nhà xây gạch 01 tầng diện tích 15,5m²; 01 nhà tắm xây gạch lợp proximang diện tích 2,6m²; 01 bể nước diện tích 2,8m² x cao 2m; 01 bếp xây gạch 01 tầng lợp ngói diện tích 15,1m²; 01 phần diện tích công trình phụ xây gạch 01 tầng lợp proximang diện tích 11,2m²; 01 nhà xây gạch 01 tầng lợp mái tôn diện tích 37,0m².

Ông C và bà T thống nhất phân chia tài sản của vợ chồng như sau:

- Đồng ý hiện trạng đất đang sử dụng có diện tích là 463,0m² (theo sơ đồ phân chia thửa đất kèm theo).

- Về điểm ranh giới phân chia của thửa đất sẽ tính từ phía nhà xây gạch 02 tầng về phía mép cửa của nhà xây gạch 01 tầng lợp tôn (diện tích 37,0m²) là 1,58m và kéo lên phía mặt đường thôn, kéo dài về phía cuối thửa đất thành đường ranh giới. Cụ thể, đường ranh giới phân chia thửa đất là đoạn thẳng kéo từ điểm số 4

(X=568717.4774, Y=2335918.2865) kéo dài đến điểm số 11 (x=568695.3100, y=2335919.8200).

Bà T được sử dụng phần tài sản trên đất và quyền sử dụng đất như sau:

- Về tài sản trên đất: Bà T được tạm thời sử dụng toàn bộ 01 ngôi nhà xây gạch 01 tầng lợp tôn diện tích 37,0m². Đối với phần diện tích vượt quá của ngôi nhà này, ông C tạm thời để cho bà T sử dụng toàn bộ. Khi nào bà T làm nhà hoặc chuyển nhượng, không ở hoặc không sử dụng nữa thì bà T phải trả lại cho ông C phần diện tích ông C được quyền sử dụng. Ngoài ra đối với phần mái tôn của ngôi nhà diện tích 37,0m² khi nào bà T tháo dỡ thì bà T đồng ý trả lại ông C phần mái tôn này.

- Về quyền sử dụng đất: Bà T được sử dụng phần đất có diện tích 230,0m² tính từ cạnh phân chia của thửa đất về mặt đường giáp ranh đường vào xóm. Cụ thể, phần diện tích đất bà T được sử dụng tính từ điểm số 4 đến điểm số 5, điểm số 6, điểm số 7, điểm số 8, điểm số 9, điểm số 10 và điểm số 11 và kéo tiếp về điểm số 4 (Các điểm tọa độ này theo sơ đồ phân chia thửa đất).

Ông C được sử dụng:

- Về tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây gạch 02 tầng, đồ mái diện tích 39,7m²; 01 mái tôn diện tích 14,0m²; 01 nhà xây gạch 01 tầng diện tích 15,5m²; 01 nhà tắm xây gạch lợp proximang diện tích 2,6m²; 01 bể nước diện tích 2,8m² x cao 2m; 01 bếp xây gạch 01 tầng lợp ngói diện tích 15,1m²; 01 phần diện tích công trình phụ xây gạch 01 tầng lợp proximang diện tích 11,2m²;

- Về phần quyền sử dụng đất: Ông C được quyền sử dụng phần đất có diện tích 233,0m², ranh giới là từ cạnh phân chia kéo về phía nhà anh Nguyễn Văn Mỹ. Cụ thể phần diện tích đất ông C được sử dụng tính từ điểm số 1 đến điểm số 2, điểm số 3, điểm số 4, điểm số 11 và điểm số 12 đến điểm số 1 (Các điểm tọa độ này theo sơ đồ phân chia thửa đất).

Ông C đồng ý cho bà T được tạm thời sử dụng toàn bộ ngôi nhà xây gạch lợp tôn có diện tích 37,0m². Khi nào bà T không ở, chuyển nhượng, làm nhà hoặc không sử dụng thì phải trả lại cho ông C phần diện tích ông C được sử dụng theo thỏa thuận phân chia. Đối với phần mái tôn của ngôi nhà xây gạch lợp tôn diện tích 37,0m² khi nào bà T tháo dỡ phần mái tôn của ngôi nhà thì phải trả lại cho ông C phần mái tôn của ngôi nhà này.

Toàn bộ thỏa thuận phân chia được thể hiện theo “Sơ đồ phân chia thửa đất”.

3. Về án phí, các đương sự đề nghị Tòa án miễn án phí do đều là người cao tuổi và đã thống nhất thỏa thuận được việc phân chia trước phiên hòa giải nên miễn toàn bộ tiền án phí DSST cho nguyên đơn và bị đơn. Về chi phí thẩm định, bà T đồng ý chịu toàn bộ chi phí thẩm định tài sản là 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng). Xác nhận bà T đã nộp đủ số tiền trên.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TA, VKS tỉnh Bắc Ninh.
- VKS, THADS huyện Quế Võ.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Hoài Phương

